TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 10/2023/QĐST-HNGĐ	*Hà Nam, ngày 19 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Điều 149; Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83; khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 18/2023/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 5 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:*

+ Anh Phạm Văn T, sinh năm 1990; nơi cư trú: Số nhà A, tổ B, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

+ Chị Hồ Thị Thu D, sinh năm 1991; nơi ĐKHKTT: Tổ B, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam; địa chỉ nơi làm việc: 2-1-102 S, I, T, Nhật Bản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn T và chị Hồ Thị Thu D kết hôn hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 28/4/2009 tại UBND phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh rất nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Anh chị sống ly thân từ năm 2018. Cuối năm 2019, chị D sang Nhật Bản lao động, từ đó vợ chồng không quan tâm đến nhau. Nay anh T, chị D đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và cùng yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị. Xét thấy, tình cảm giữa anh T, chị D đã rạn nứt, không thể hàn gắn; đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần công nhận thuận tình ly hôn cho anh T, chị D là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về con chung: Anh Phạm Văn T và chị Hồ Thị Thu D xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Tố L, sinh ngày 12/8/2015. Khi ly hôn, anh T, chị D thỏa thuận, thống nhất giao chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu L 1.000.000 đồng/tháng (một triệu đồng) kể từ tháng 7 năm 2023, cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Bản thân cháu L có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét thấy, nguyện vọng của cháu L và thỏa thuận của anh T, chị D hoàn toàn tự nguyện, phù hợp khoản 2 Điều 81 và khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được Tòa án chấp nhận.

[3] Về con riêng: Quá trình làm việc, lao động ở Nhật Bản, chị Hồ Thị Thu D có quan hệ với người đàn ông khác và hiện chị đang mang thai hơn 6 tháng. Anh Phạm Văn T và chị Hồ Thị Thu D đều xác định thai nhi không phải là con chung của chị D với anh T. Anh chị thống nhất: Khi chị D sinh con thì tự chịu trách nhiệm về con riêng của mình, anh T không có trách nhiệm gì đối với con riêng của chị D. Xét thấy, do thai nhi chưa được sinh ra nên chưa có căn cứ giải quyết về phần con riêng, vì vậy sẽ tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi anh, chị có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung và các vấn đề khác: Anh Phạm Văn T và chị Hồ Thị Thu D đều xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về lệ phí ly hôn sơ thẩm: Anh Phạm Văn T và chị Hồ Thị Thu D thỏa thuận chị D là người nộp toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm, anh T không phải nộp. Sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện nên chấp nhận chị D là người nộp toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Văn T và chị Hồ Thị Thu D.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Tố L, sinh ngày 12/8/2015 cho chị Hồ Thị Thu D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu L 1.000.000 đồng/tháng (một triệu đồng) kể từ tháng 7 năm

2023 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập. Các bên có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không bên nào được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

2. Về lệ phí ly hôn sơ thẩm: Chị D nộp toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (chị D nộp thay cho cả anh T). Đối trừ số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng lệ phí mà chị D đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam theo Biên lai số AA/2021/0002516, ngày 22/5/2023; chị D đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền phải hoàn trả nêu trên, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chưa thi hành.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- UBND phường Lê Hồng Phong,
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mai Hương